|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BÌNH THUẬN**  Số: 03/2021/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bình Thuận, ngày 11 tháng 5 năm 2021* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức phụ cấp, trợ cấp đối với**

**lực lượng Dân quân trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ (LẦN 11)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;*

*Xét Tờ trình số 1324/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp, trợ cấp đối với lực lượng Dân quân trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 38/BC-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với thôn (khu) đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh.

Các chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Luật Dân quân tự vệ năm 2019 và Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Thôn (khu) đội trưởng.

b) Dân quân tại chỗ; dân quân cơ động; dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế và dân quân thường trực (trừ dân quân thuộc hải đội dân quân thường trực).

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc cấp, quản lý, sử dụng kinh phí trợ cấp, phụ cấp đối với thôn (khu) đội trưởng và dân quân trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Mức phụ cấp hàng tháng cho Thôn (Khu) đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động cho Dân quân**

1. Thôn (Khu) đội trưởng được hưởng mức phụ cấp hàng tháng: 745.000 đồng/người/tháng.

2. Dân quân khi có quyết định huy động, điều động làm nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt được hưởng trợ cấp như sau:

a) Trợ cấp ngày công lao động: 120.000 đồng/người/ngày;

b) Trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì mức trợ cấp tăng thêm là 60.000 đồng/người/ngày.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khoá X, kỳ họp chuyên đề (lần 11) thông qua ngày 11 tháng 5 năm 2021, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Chính phủ;  - Bộ Quốc phòng;  - Bộ Tài chính;  - Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;  - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;  - Thường trực Tỉnh ủy;  - Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,  Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;  - Các Ban HĐND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;  - Các Văn phòng: ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;  - Kho bạc Nhà nước Bình Thuận;  - HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Trung tâm Thông tin tỉnh;  - Lưu: VT, (CTHĐ.09b), K.T. | **CHỦ TỊCH**  *(đã ký)*  **Nguyễn Hoài Anh** |  |  |